

ĐẠI HỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Địa chỉ: T5, tòa nhà Đại Phát, lô A2C, cụm tiểu thủ CN & CN nhỏ, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel. 04 3795 8888 Fax 04 3795 9999

NỘI DUNG	Trang
MỤC LỤC	1
BAO CAO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BAO CAO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BAO CAO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BAO CAO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 24



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2016

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam (tên viết bằng tiếng nước ngoài là PETRO VIETNAM MECHANICAL & ELECTRICAL JSC), là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104101926 ngày 11/08/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 11 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần 11 số 010-101926 ngày 22/03/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 22/03/2017 thì vốn điều lệ của Công ty là 10 000 000 000 đồng (Mười tỷ đồng). Trong đó:

Mệnh giá cổ phần 10 000 đồng

Tổng số cổ phần 1 000.000 cổ phần

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

Chế tạo thiết bị cơ điện, thiết bị tự động hóa, điều hòa không khí, Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, Bảo dưỡng cơ điện, Thi công cơ điện (hệ điều khiển quản lý tòa nhà, hệ thống tự động hóa, kết cấu cơ khí) Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng công trình công nghiệp (các công trình đường dây và trạm biến thế đến 110KV) Xây dựng công trình đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các công trình du lịch, của công, đập và đê, Xây dựng công trình công ích, Phá dỡ, Chuẩn bị mặt bằng, Hoàn thiện công trình xây dựng; Xây dựng nhà các loại.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Đại Phát, lô A2C cụm tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

Tel: 04 3795 8888 Fax: 04 3795 9999

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc điều hành quản lý Công ty cho năm tài chính 2016 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng Quản trị

- | | |
|---------------------------|----------|
| - Ông Nguyễn Quốc Khánh | Chủ tịch |
| - Ông Lê Giao | Ủy viên |
| - Ông Trừ Hoài Nam | Lý viên |
| - Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích | Ủy viên |

Ban Giám đốc

- | | |
|----------------------|----------|
| - Ông Đinh Quốc Hùng | Giám đốc |
|----------------------|----------|

Ban Kiểm soát

- | | |
|--------------------|------------|
| - Ông Lê Hai Long | Tương Ban |
| - Bà Đặng Thị Oanh | Thành viên |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt (VIETCPA)

Địa chỉ: Phòng 410, tòa nhà Vinaconex 7, tô 14, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 04 7309 2007

Fax: 04 7309 2014

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Trong việc lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nếu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trong yêu cầu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hay không. Và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam đã tuân thủ các yêu cầu trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN DẦU KHÍ VIỆT NAM



Đinh Quốc Hùng

Giám đốc

Hà Nội, ngày tháng năm 2017



ĐỘC LẬP - TRUNG THỰC - KHÁCH QUAN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT

Phòng 410, Toà nhà Vinaconex 7, Đường K2, Tổ 14

P. Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Tel: 04. 7309 2007

Fax: 04 7309 2014

www.vietcpa.com.vn

Số 36-2017/TC-VIETCPA

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016
của Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán Việt đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016 được lập ngay tháng năm 2017 của Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") từ trang 06 đến trang 24 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chung tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Co điện Dầu khí Việt Nam cho năm tài chính 2016

- Đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.
- Phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Báo cáo kiểm toán được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt, các bản có giá trị như nhau Công ty Cổ phần Co điện Dầu khí Việt Nam giữ 03 (ba) bản, Công ty TNHH Kiểm toán Việt giữ 01 (một) bản



Đã được kiểm tra và xác định đúng với bản chính
Số Giấy phép hành nghề: 3286 quyền số: 01 SCT/BS

NGÀY 27-02-2018

Nguyễn Thị Diệu Linh
Tổng Giám đốc
Số GCN ĐKHN kiểm toán: 0920-2013-138-1

Nguyễn Thái Hồng
Kiểm toán viên
Số GCN ĐKHN kiểm toán: 1115-2013-138-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT



CHỖ CHỦ TỊCH
Nguyễn Hồng Hải

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính VND

CHI TIẾT	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		66.416.000.439	48.950.792.161
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15.532.345.351	354.978.798
1. Tiền	111		15.532.345.351	354.978.798
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.526.177.268	27.383.511.078
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	19.250.946.870	21.465.806.889
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6.107.530.859	5.395.670.099
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	167.699.539	522.034.090
IV. Hàng tồn kho	140		24.975.715.465	21.212.302.285
1. Hàng tồn kho	141	V.6	24.975.715.465	21.212.302.285
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		381.762.355	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.8a	381.762.355	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.044.762.441	1.592.192.375
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		399.810.225	598.453.005
1. Tài sản cố định hữu hình	221		399.810.225	598.453.005
- Nguyên giá	222		1.779.732.717	1.779.732.717
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.379.922.492)	(1.181.279.712)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		80.849.400	80.849.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(80.849.400)	(80.849.400)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản do đang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		763.920.500	763.920.500
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		763.920.500	763.920.500
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.881.031.716	229.818.870
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		168.351.782	229.818.870
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.8b	1.712.679.934	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		69.460.762.880	50.542.984.536

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

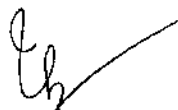
Đơn vị tính: VND

CHI TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2016	01/01/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		61.419.850.683	42.512.478.463
I. Nợ ngắn hạn	310		57.019.850.683	36.512.478.463
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	35.468.961.828	26.813.603.279
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	6.624.717.426	309.133.426
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	2.516.304.290	2.883.303.771
4 Phải trả người lao động	314	V.12	239.142.732	-
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	7.332.051.174	4.349.314.653
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		4.974.116.944	1.405.058.582
11 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.15	-	887.508.463
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(135.443.711)	(135.443.711)
II. Nợ dài hạn	330		4.400.000.000	6.000.000.000
1 Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2 Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
8 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	4.400.000.000	6.000.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		8.040.912.197	8.030.506.073
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	8.040.912.197	8.030.506.073
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	10.000.000.000
5 Cổ phiếu quỹ	415		(2.600.000.000)	(2.600.000.000)
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		536.904.930	536.904.930
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		104.007.267	93.601.143
- LNST chưa phân phối LK đến CK trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		104.007.267	93.601.143
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		69.460.762.880	50.542.984.536

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Kế toán trưởng



Lê Thị Thanh Hà

Giám đốc



Đinh Quốc Hùng

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2016

Đơn vị tính VND

CHI TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	19.841.707.212	16.955.059.086
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		19.841.707.212	16.955.059.086
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	16.637.355.825	12.805.638.113
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3.204.351.387	4.149.420.973
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.211.241	28.269.181
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	926.795.845	458.824.686
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		926.795.845	458.824.686
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.211.953.328	3.672.501.962
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		72.813.455	46.363.506
11. Thu nhập khác	31	VI.5	901.560	1.550.761
12. Chi phí khác	32	VI.6	465.630	1.993.075
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		435.930	(442.314)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		73.249.385	45.921.192
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	62.843.261	9.582.853
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		10.406.124	36.338.339

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Hà

Giám đốc



Đinh Quốc Hùng

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Năm 2016

Đơn vị tính VND

STT	CHI TIÊU	MÃ SỐ	T M	Năm 2016	Năm 2015
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	Thu tiền từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		30.249.175.953	13.588.669.970
2	Chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(15.885.350.900)	(11.973.010.258)
3	Chi trả cho người lao động	03		(2.056.809.623)	(3.144.240.022)
4	Chi trả lãi vay đã trả	04		(434.465.345)	(456.520.286)
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05			
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.706.296.760	8.642.336.692
7	Chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(6.375.826.055)	(8.709.048.102)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.203.020.790	(2.051.812.006)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các TSDH khác	21		-	-
2	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và các TSDH khác	22		-	-
3	Chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4	Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.287.401	28.269.181
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.287.401	28.269.181
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3	Thu từ đi vay	33		9.885.301.262	18.413.777.382
4	Chi trả nợ gốc vay	34		(7.916.242.900)	(16.235.613.814)
5	Chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.969.058.362	2.178.163.568
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		15.177.366.553	154.620.743
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		354.978.798	200.358.055
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		15.532.345.351	354.978.798

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Kế toán trưởng



Lê Thị Thanh Hà



Đinh Quốc Hùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam (tên viết bằng tiếng nước ngoài là PETRO VIETNAM MECHANICAL & ELECTRICAL, JSC), là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104101926 ngày 11/08/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 11 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần 11 số 0104101926 ngày 22/03/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

2 Ngành nghề kinh doanh của Công ty

Chế tạo thiết bị cơ điện, thiết bị tự động hóa, điều hòa không khí; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, Bảo dưỡng cơ điện, Thi công cơ điện (hệ điều khiển quản lý tòa nhà, hệ thống tự động hóa, kết cấu cơ khí). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công nghiệp (các công trình đường dây và trạm biến thế đến 110KV); Xây dựng công trình đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa công đập và đê, Xây dựng công trình công ích, Phá dỡ, Chuẩn bị mặt bằng, Hoàn thiện công trình xây dựng, Xây dựng nhà các loại

3 Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Tầng 5, toà nhà Đại Phát lô A2C cụm tiêu thụ công nghiệp và công nghiệp nhỏ, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

Tel: 04 3795 8888 Fax: 04 3795 9999

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn sửa đổi bổ sung có liên quan

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

BAN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chi tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá hàng xuất kho: Theo phương pháp bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

- *Nguyên tắc xác định khoản Phải thu khách hàng:* dựa theo hợp đồng và ghi nhận theo hoá đơn GTGT xuất cho khách hàng
- *Nguyên tắc kế toán Trữ trước cho người bán:* được hạch toán căn cứ vào phiếu chi chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế
- *Nguyên tắc kế toán Tam ứng:* được hạch toán căn cứ vào đề nghị tạm ứng để phản ánh các khoản tạm ứng của doanh nghiệp cho người lao động trong doanh nghiệp và tình hình thanh toán các khoản tạm ứng đó
- *Nguyên tắc kế toán Phải thu khác:* phản ánh các khoản nợ phải thu ngoài phạm vi đã phản ánh ở tài khoản phải thu (TK 131) và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu này

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Cụ thể các tài sản được ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thoả mãn đồng thời tất cả 03 tiêu chuẩn sau

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó,
- Thời gian sử dụng ước tính trên một năm,
- Nguyên giá tài sản phải xác định một cách đáng tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 đồng trở lên

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua, các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016
(tiếp theo)

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao <năm></u>
- Phương tiện vận tải	06 – 10
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 05

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đo đang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từ kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mục đích từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng với chi phí trả trước dài hạn và không quá 12 tháng với chi phí trả trước ngắn hạn.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

- *Nguyên tắc xác định khoản Phải trả người bán*: Dựa theo hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo hóa đơn mua hàng của bên mua.
- *Nguyên tắc kế toán khoản Người mua trả tiền trước*: Được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.
- *Nguyên tắc kế toán Phải trả khác*: Được căn cứ vào hợp đồng, chứng từ, hóa đơn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- *Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu*: Được ghi nhận trên cơ sở vốn góp thực tế của chủ sở hữu.
- *Vốn khác của chủ sở hữu*: Được ghi nhận từ quỹ đầu tư phát triển để đầu tư mua sắm tài sản cố định và phục vụ sản xuất kinh doanh.
- *Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối*: Là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trong yêu cầu của các năm trước.

TY
SUN
HOUSE
VIỆT
NAM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016
(tiếp theo)

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu hoạt động từ hoạt động xây lắp, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng và doanh thu hoạt động tài chính khác.

- *Doanh thu hoạt động xây lắp*: Phát sinh từ hợp đồng thi công xây lắp, được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu quyết toán, đã phát hành hóa đơn giá trị gia tăng phù hợp với quy định tại Chuẩn mực số 15 - "Hợp đồng xây dựng"
- *Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng*: Được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 02 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác"
- Các khoản nhân trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ

10. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hoạt động xây lắp: Được theo dõi và tập hợp chi tiết cho từng công trình theo tỷ lệ giao khoán khi công trình nghiệm thu thì các chi phí được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh

11. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ, gồm các chi phí nhân viên quản lý, Chi phí vật liệu quản lý, Chi phí đồ dùng văn phòng, Chi phí khấu hao tài sản cố định, Thuế phí và lệ phí, Chi phí dịch vụ mua ngoài. Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận trên cơ sở số chi phí kế toán thực tế phát sinh trong kỳ

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN tương ứng hiện hành

13. Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành tại Việt Nam

Cụ thể Công ty áp dụng thuế suất thuế GTGT là 10% đối với các sản phẩm đồ gia dụng

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% trên cơ sở thu nhập tính thuế

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Nguyên nhân là do: Thu nhập tính thuế trong năm không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác, Các khoản lỗ năm trước chuyển sang (nếu có), Các khoản thu nhập không chịu thuế hay các khoản chi phí không được trừ cho mục nêu xác định thuế thu nhập doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

Việc xác định thuế TNDN của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

14. Ước tính Kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

HHH

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Tiền mặt tại quỹ</i>	<i>167.622.000</i>	<i>119.286.000</i>
Tiền Việt Nam	167.622.000	119.286.000
<i>Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND</i>	<i>15.355.765.356</i>	<i>228.988.376</i>
Tiền gửi VND - Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàn Kiếm	1.369.778	1.369.778
Tiền gửi VND - NH TMCP Công Thương VN - CN Quang Trung	10.809.888	2.296.852
Tiền gửi VND - Ngân hàng TMCP NCB - Hội sở	-	181.370.847
Tiền gửi VND - Ngân hàng TMCP NCB - Hội sở	-	40.217.694
Tiền gửi VND - Ngân hàng TMCP phát triển - HD Bank	1.479.632	1.479.632
Tiền gửi VND - Ngân hàng TMCP NCB - Hội sở	15.342.106.058	2.253.573
<i>Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - Ngoại tệ (*)</i>	<i>8.957.995</i>	<i>6.704.422</i>
Tiền gửi NT - Ngân hàng TMCP NCB - Hội sở	2.253.573	-
Tiền gửi NT - NH TMCP Công Thương VN - CN Quang Trung	4.656.867	4.656.867
Tiền gửi NT - Ngân hàng TMCP phát triển - HD Bank	2.047.555	2.047.555
Tổng cộng	15.532.345.351	354.978.798

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim - PVC	763.920.500	763.920.500
Tổng cộng	763.920.500	763.920.500

3. Phải thu khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>	<i>19.250.946.870</i>	<i>21.465.806.889</i>
Công ty CP Hồng Hà Dầu Khí	5.111.000	5.111.000
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	46.731.956	46.731.956
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	7.379.209.000	7.379.209.000
Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I	41.245.873	41.245.873
Trung tâm Tư vấn và Phục vụ Tài liệu lưu trữ	135.653.510	135.653.510
Tư vấn Bộ ngoại giao	1.081.639.907	3.316.395.810
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	10.041.459.740	10.541.459.740
Ngân hàng Ngoại thương - CN Khách hàng đặc biệt	519.895.884	-
Tổng cộng	19.250.946.870	21.465.806.889

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Trả trước cho người bán tại văn phòng Công ty</i>	<i>6.107.530.859</i>	<i>5.395.670.099</i>
Công ty CP Cơ điện Tân Quang	114.500.000	114.500.000
Công ty Cổ phần 216	-	63.998.440
Công ty TNHH TM và Công nghệ Nhân An	447.971.355	447.971.355
Công ty TNHH Xây dựng và TM Trung Tín	558.130.000	558.130.000
Công ty Điện lực Cầu Giấy	33.540.295	33.540.295
Công ty CP Lao động hợp tác nước ngoài	250.974.621	250.974.621
Công ty TNHH Cơ điện lạnh Thuận Phát	2.239.699.458	2.239.699.458
Công ty TNHH Kinh doanh nhà Phú Tường	110.000.000	110.000.000
Công ty TNHH MPK	-	391.894.000
Công ty TNHH Thương mại Đại Phát	1.000.030	1.000.030
Ngô Đức Cường	393.492.782	393.492.782
Phạm Quốc Huy	472.124.611	472.124.611
Tung tâm Kiểm định xây dựng Lao Cai	10.000.000	10.000.000
Đội Ngô Sỹ Kết	308.344.507	308.344.507
Văn phòng luật sư Hoàng Anh và công sự	20.000.000	-
Công ty CP EV&GP Công nghệ Gaiutech	1.147.753.200	-
Tổng cộng	6.107.530.859	5.395.670.099

5. Phải thu khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Phải thu ngắn hạn</i>	<i>167.699.539</i>	<i>522.034.090</i>
Tạm ứng ngắn hạn	-	57.000.000
Cung Quốc Tuấn	-	20.000.000
Không Đức Trường	-	34.000.000
Phạm Thị Chung	-	3.000.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	292.110.896
<i>Phải thu khác tại văn phòng Công ty</i>	<i>167.699.539</i>	<i>172.923.194</i>
BHXH phần Đội Kết	26.988.115	26.988.115
BHXH phần Đội Lê Xuân Tuyết	42.159.600	42.159.600
Bùi Quốc Thái - BHXH	-	8.014.455
Cục thuế Hà Nội	-	6.818.670
Hồ Quang Hai - đội 5	28.092.315	12.588.015
Nguyễn Công Minh - BHXH	88.536	88.536
Nguyễn Công Tươi - BHXH	4.702.500	4.702.500
Nguyễn Mạnh Hào - BHXH	24.568	24.568

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

Nguyễn Thụy Tiên - BHXH	-	4 322.900
Nguyễn Thế Lưu - BHXH	3.087 799	3 087.799
Nguyễn Thị Hòa	5 805 600	5 805 600
Nguyễn Văn Quang B - BHXH	452 000	452 000
Nguyễn Văn Vĩnh - BHXH	-	796 080
Nguyễn Đình Chiến - BHXH	8 901 000	8 901.000
Ngô Đức Cường - BHXH	8.010 555	8 010 555
Phạm Quốc Huy - đội 5	29 063 500	29.063.500
Vân Tất Hợp - BHXH	88 536	88 536
Vũ Chí Thịnh	-	149 265
Vũ Hồng Nho - BHXH	452 000	452 000
Vũ Mạnh Hiệp	7 665 000	7 665 000
Đình Kiều Nga - BHXH	855 000	855 000
Đình Văn Hợp - BHXH	452 000	452 000
Nguyễn Văn Hoa	168 525	-
Phạm Hồng Quang	642 390	-
Phạm Thị Chung	-	1 437 500
Tổng cộng	167.699.539	522.034.090
6 Hàng tồn kho		
<i>Giá gốc hàng tồn kho</i>		
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	24 975 715 465	21.212 302 285
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	24.975.715.465	21.212.302.285
7. Chi phí trả trước		
<i>Chi phí trả trước dài hạn</i>		
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Giá trị công cụ, dụng cụ chưa phân bổ	168 351 782	229 818 870
Tổng cộng	168.351.782	229.818 870
8. Tài sản khác		
8a. Tài sản ngắn hạn khác		
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Cung Quốc Tuấn	10 000.000	-
Khổng Đức Trường	24 000 000	-
Phạm Thị Chung	3.000.000	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

Nguyễn Mạnh Thăng	8 000 000	-
Nguyễn Quốc Khánh	252 000 000	-
Nguyễn Thu Thùy	1.320 000	-
Phạm Hồng Quang	83 442.355	-
Tổng cộng	381.762.355	-
8b. Tài sản dài hạn khác	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ký quỹ	1 712 679 934	-
Tổng cộng	1.712.679.934	-
9. Phải trả người bán	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>	<i>35 468.961.828</i>	<i>26.813.603 279</i>
Chi nhánh Công ty TNHH Tân Phú Lợi	250 844 403	250 844.403
Công ty CP Giải pháp tích hợp Công nghệ VIETSIS	135 024 000	135 024 000
Công ty CP Giải pháp Tòa nhà thông minh (IBS)	2 056 563 032	2 056 563 032
Công ty CP Nam Sông Hồng Đầu tư	2 317 507 990	2.317.507 990
Công ty CP Phong chống mối Lạc Việt	193 985 663	193 985 663
Công ty CP Thương mại Hoà Bình	80 044.000	80 044 000
Công ty CP Thương mại và Xây dựng I-B	76 820 000	76 820 000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Việt Đức	8 065 511 925	2 668 281.710
Công ty CP Đầu tư kinh tế Hồng Hà	180 855.998	180 855 998
Công ty CP Đầu tư TM và Xây dựng Việt-Star	153 230 364	153.230 364
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Thanh An 665	421 875 000	421 875 000
Công ty Cổ phần GMP	51 810 000	51.810 000
Công ty Cổ phần Gỗ Việt	263 845 608	263.845.608
Công ty Cổ phần Nhân Hòa	235 732 928	235 732 928
Công ty TNHH Gamiana	310 459.083	310.459 083
Công ty TNHH MTV Ứng dụng công nghệ mới và Du lịch (Newtateco)	-	2 196 323 789
Công ty TNHH Nghiêm Sing	880 206.010	880 206 010
Công ty TNHH SCHNEIDER ELETRIC Việt Nam	171 795 297	171 795 297
Công ty TNHH TM Dịch vụ Điện lạnh Trường Sơn	3.454 370 397	25 395.167
Công ty TNHH TM và Dịch vụ cơ điện lạnh Hà Giang	97 507 850	97 507.850
Công ty TNHH TM và Dịch vụ Khánh Việt	166 765 595	166 765.595
Công ty TNHH TM và Dịch vụ tin học Hà Việt	28 600 001	28 600.001
Công ty TNHH TM và Sản xuất Ngọc Diệp	109.196 027	109 196 027
Công ty TNHH TM và XD Tân Nhật Linh	-	205 400 838
Công ty TNHH Tư vấn thiết kế và Xây lắp CDC Việt Nam	769.121 588	769.121 588
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng và PCCC Thanh Hoa	493.307 619	493 307 619

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hợp Nhất	1.051.758.607	1.051.758.607
Công ty CP Công nghệ và Giải pháp cơ bản	2.061.721.360	2.061.721.360
Công ty CP Cơ điện Toàn Cầu	75.651.000	75.651.000
Công ty CP D&T	111.715.416	111.715.416
Công ty CP Hệ thống Bàn Mai	2.309.631.880	2.309.631.880
Công ty CP Kỹ thuật cơ điện lạnh Tam Nguyễn	133.297.378	133.297.378
Công ty CP Lisemco 5	64.599.400	64.599.400
Công ty CP Mạng thông minh INET	293.483.029	1.159.269.617
Công ty CP Phát triển công nghệ cao ITC Việt Nam	560.900.741	1.386.564.907
Công ty CP Prodetech	717.549.220	717.549.220
Công ty CP Sang Ta	803.648.585	803.648.585
Công ty Cổ phần 369	-	944.018.871
Công ty Cổ phần cơ điện lạnh Hoàng Đạt	57.253.693	57.253.693
Công ty TNHH MPK	350.079.248	-
Công ty TNHH TM Kỹ thuật Điện Hà Nội	54.571.000	54.571.000
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thăng Long	206.349.398	206.349.398
Công ty TNHH Đầu tư và Xúc tiến thương mại KAF	4.701.174.490	121.273.987
Không Dữ Liệu	-	66.571.995
Nguyễn Văn Hưng	403.677.000	403.677.000
Tạm ứng tiền mặt - Phạm Ngọc Điện	196.766.900	196.766.900
Phải trả các đối tượng ngắn hạn khác	350.153.105	347.213.505
Tổng cộng	35.468.961.828	26.813.603.279
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.419.777.410	2.845.079.476
Thuế thu nhập doanh nghiệp	85.114.079	22.270.818
Thuế thu nhập cá nhân	11.412.801	2.316.137
Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	13.637.340
Tổng cộng	2.516.304.290	2.883.303.771
<i>Tại thời điểm kiểm toán Công ty chưa có biên bản quyết toán thuế với Cơ quan Thuế dự phương, quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế. Do vậy việc áp dụng luật và các qui định về Thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của cơ quan Thuế</i>		
11. Người mua trả tiền trước		
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	<i>6.624.717.426</i>	<i>309.133.426</i>
Trung tâm TV QL DA & GSCT xây dựng Lào Cai	309.133.426	309.133.426
BQL DA Sơ Y tế - Bệnh viện phụ sản Hà Nội	6.315.584.000	-
Tổng cộng	6.624.717.426	309.133.426

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

12. Phải trả người lao động

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả CNV	239.142.732	-
Tổng cộng	239.142.732	-

13. Phải trả khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả ngắn hạn khác	7.332.051.174	4.349.314.653
Kinh phí công đoàn	6.809.860	9.563.220
<i>Bao hiểm xã hội</i>	<i>283.317.134</i>	<i>219.337.113</i>
<i>Bao hiểm y tế</i>	<i>7.029.585</i>	<i>45.890.309</i>
<i>Bao hiểm thất nghiệp</i>	<i>3.124.260</i>	<i>63.737.422</i>
<i>Phải trả ngắn hạn khác - Du có TK 338</i>	<i>7.031.770.335</i>	<i>4.010.786.589</i>
Bao hiểm xã hội Quận Cầu Giấy	284.291.925	-
Cung Quốc Tuấn	10.000.000	10.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Xúc tiến thương mại KAF	4.926.032.000	1.369.200.000
Hà Tu Lan	173.000.000	173.000.000
Luong Thi Mai Huong	80.000.000	-
Luong Thi Nga	346.000.000	346.000.000
Nguyễn Mạnh Thăng	1.313.134	-
Nguyễn Quốc Khánh	70.000.000	70.000.000
Nguyễn Thị Hải Ngọc	74.244.375	-
Nguyễn Thị Liên	8.777.688	8.777.688
Nguyễn Văn Quang	21.694.333	21.694.333
Nguyễn Đức Nhân	2.523.212	-
Phạm Hồng Quang	-	978.895.000
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	639.600.000	639.600.000
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	346.000.000	346.000.000
Vũ Mạnh Hiệp	32.279.338	32.279.338
Hà Trọng Hưng - BHXH	2.896.000	2.896.000
Lưu Nguyễn ánh Sang	1.700.000	1.700.000
Lại Anh Thái - BHXH	3.081.600	3.081.600
Nguyễn Bá Anh Tiến	1.657.542	1.657.542
Nguyễn Thu Nhu Trang	991.154	991.154
Nguyễn Xuân Fân	674.100	-
Phạm Trung Kiên	419.482	419.482
Vũ Hải Đăng - BHXH	4.594.452	4.594.452
Tổng cộng	7.332.051.174	4.349.314.653

BAN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

14. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn</i>	4.974.116.944	1.405.058.582
Vay ngắn hạn tại Văn phòng Công ty	4.974.116.944	1.405.058.582
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Vay dài hạn</i>	4.400.000.000	6.000.000.000
Vay ba Nguyễn Hải Ngọc	4.400.000.000	6.000.000.000
Tổng cộng	9.374.116.944	7.405.058.582

15. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng, Bộ ngoại giao	-	887.508.463
Tổng cộng	-	887.508.463

16. Vốn chủ sở hữu

16a. Vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư và Xúc tiến Thương mại KAF	4.900.000.000	4.900.000.000
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	1.000.000.000	1.000.000.000
Lương Thị Nga	1.000.000.000	1.000.000.000
Hà Tú Lan	500.000.000	500.000.000
Cổ phiếu quỹ	2.600.000.000	2.600.000.000
Tổng cộng	10.000.000.000	10.000.000.000

16b. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
+ Vốn góp đầu năm	10.000.000.000	10.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	2.600.000.000	2.600.000.000
+ Vốn góp cuối năm	7.400.000.000	7.400.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

16c. Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1 000 000	1 000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	740 000	740 000
+ Số lượng cổ phiếu phổ thông	740 000	740 000
+ Số lượng cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là VCSH)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Số lượng cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Số lượng cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là VCSH)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	740 000	740 000
+ Số lượng cổ phiếu phổ thông	740 000	740 000
+ Số lượng cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là VCSH)	-	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	19.841.707.212	16.955.059.086
Tổng cộng	19.841.707.212	16.955.059.086

2. Giá vốn bán hàng

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	16.637.355.825	12.805.638.113
Tổng cộng	16.637.355.825	12.805.638.113

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.211.241	28.269.181
Tổng cộng	7.211.241	28.269.181

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	926.795.845	458.824.686
Tổng cộng	926.795.845	458.824.686

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

5. Thu nhập khác	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập khác	901.560	1.550.761
Tổng cộng	901.560	1.550.761
6. Chi phí khác	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí khác	465.630	1.993.075
Tổng cộng	465.630	1.993.075
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí thuế TNDN phát sinh trong kỳ	62.843.261	9.582.853
Tổng cộng	62.843.261	9.582.853
Chi tiêu	Năm 2016 VND	
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	73.249.385	
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập tính thuế TNDN	240.966.920	
2.1 Các khoản điều chỉnh tăng	-	
2.2 Các khoản điều chỉnh giảm	-	
3. Chuyển lỗ	-	
4. Thu nhập tính thuế (4 = 1 + 2 + 3)	314.216.305	
5. Thuế suất thuế TNDN	20%	
6. Chi phí thuế TNDN tính trên tổng thu nhập tính thuế hiện hành (6 = 4 x 5)	62.843.261	
7. Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	
8. Chi phí thuế TNDN hiện hành (8 = 6 + 7)	62.843.261	
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.406.124	36.338.339
2. Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-

BAN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

3 Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3 = 1 + 2)	10 406 124	36 338 339
4 Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	740 000	740 000
5 Tỷ lệ cơ bản trên cổ phiếu (5 = 3 / 4)	14,06	49,11

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Hà



Đình Quốc Hùng